TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:...../2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2019.
"V/v chị H xin ly hôn với anh S"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Quân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Đức Thi.
2. Ông Nguyễn Văn Thể.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị H, S năm 1983.
Nơi ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.
(Có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Ngọc S, sinh năm 1984.
Nơi ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.
Nơi công tác: Ngân hàng Thương mại cổ phần K - Chi nhánh H; địa chỉ: Số 87, đường Tô Hiệu, phường T, quận L, T phố Hải Phòng.
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 11-12-2018; đơn xin ly hôn ngày 07-11-2018; bản tự khai và biên bản hòa giải trong quá trình chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lương Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu chị và anh Trần Ngọc S đã tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 01-10-2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định và đã được UBND xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau kết hôn vợ, chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được khoảng 05 năm thì phát S mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do vợ, chồng tính tình không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm nên vợ, chồng thường hay xảy ra xô

xát, cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn của vợ, chồng xảy ra trầm trọng nhất là từ đầu năm 2018, lý do là do anh S có quan hệ tình cảm nam nữ bất chính với người phụ nữ khác ở địa P nơi anh S công tác. Khi chị phát hiện ra sự việc đó chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh S vẫn không từ bỏ, anh S vẫn lén lút quan hệ tình cảm với người phụ nữ đó. Nên cứ mỗi lần anh S đi công tác về vợ, chồng gặp nhau là lại xảy ra việc đánh, cãi, chửi nhau. Do đó vợ, chồng chung sống với nhau không có tình cảm và không có hạnh phúc. Thời gian gần đây thì anh S không còn quan tâm gì đến vợ, con nữa. Mặc dù từ thời điểm anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác cho đến nay, chị và anh S vẫn sống với nhau cùng một nhà nhưng chị và anh S không còn quan hệ tình cảm vợ, chồng với nhau nữa. Chị H xác định mâu thuẫn của vợ, chồng đã kéo dài và trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, mặt khác nay chị cũng không còn tình cảm, tình nghĩa vợ, chồng gì đối với anh S. Nên, chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 11-5-2010 và cháu Trần Ngọc Thanh P, sinh ngày 19-7-2015. Hiện cả 02 cháu đang trực tiếp ở cùng với chị ở Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu T; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

- Về tài sản chung: Chị và anh S có tài sản chung, nhưng vợ, chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau, chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Chị và anh S không có gì và chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Ý kiến trình bày của bị đơn anh Trần Ngọc S tại văn bản tố tụng ngày 15-5-2019 như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị H. Nếu chị H cứ nhất quyết và cố tình ly hôn thì chị H tự giải quyết đơn phương một mình và anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì công việc và không muốn ly hôn nên anh không về Tòa án để tham gia tố tụng được.

- Về con chung: Anh chấp nhận và đồng ý nuôi cả 02 con chung của vợ, chồng và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày..... , cháu Trần Ngọc T trình bày: Nếu chị H và anh S ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với anh S và ông, bà nội của cháu.

* Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ và lời khai của bố, mẹ đẻ anh S là ông Trần Văn V và bà Triệu Thị T thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện V, tỉnh \Nam Định vào ngày 01-10-2008; về mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị H và anh S chủ yếu là do anh S đi làm xa nhà, nên có nảy sinh tình cảm với người phụ nữ khác và anh S đã quan hệ tình cảm bất chính với người phụ nữ đó. Khi chị H phát hiện ra việc anh S quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác thì chị H và gia đình đã khuyên ngăn và tha thứ cho anh S, nhưng anh S vẫn không từ bỏ người phụ nữ đó mà vẫn lén lút quan hệ tình cảm với nhau nên mới dẫn đến việc vợ, chồng xảy ra xô xát, cãi, chửi nhau. Vì vậy tình cảm vợ, chồng phai nhạt dần. Mặc dù mỗi lần anh S đi công tác

về vợ, chồng vẫn ăn chung và ở chung cùng với nhau nhưng khả năng đoàn tụ với nhau là khó.

- Về con chung: Chị H và anh S có 02 con chung là các cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 11-5-2010 và Trần Ngọc Thanh P, sinh ngày 19-7-2015. Hiện cả 02 cháu đều đang ở cùng với chị H và bố, mẹ đẻ anh S ở Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Về điều kiện nuôi con: Hiện nay chị H và anh S đều có đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung của vợ, chồng. Vì chị H và anh S đều có công việc ổn định và có thu nhập ổn định, chị H thì đang làm công nhân may tại công ty TNHH ZHUNZHEN ở Khu Công nghiệp Bảo Minh, thu nhập khoảng 6.000.0000đ/tháng, còn anh S thì đang lái xe cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K - Chi nhánh H, thu nhập khoảng 6.000.0000đ đến 7.000.000đ/tháng; ngoài ra ông V và bà T còn cam kết sẽ tạo mọi điều kiện tốt nhất cho con chung của anh S và chị H. Nếu như anh S được trực tiếp nuôi con chung của vợ, chồng thì trong thời gian anh S đi làm xa nhà ông, bà sẽ trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu thay cho anh S.

- Hiện nay chị H và anh S cùng các con chung của vợ, chồng vẫn đang đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Thôn P, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Anh S đi công tác ở thành phố Hải Phòng, nhưng cứ khoảng 01 đến 02 tuần anh S lại về quê thăm bố, mẹ và vợ, con một lần.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của đương sự.

- Về các yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị H.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Lương Thị H và anh Trần Ngọc S.

+ Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Ngọc Thanh P, sinh ngày 19-7-2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 11-5-2010 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên, có khả năng lao động tự lập được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí ly hôn: Buộc chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Xét thấy tại thời điểm thụ lý cũng như xét xử vụ án anh Trần Ngọc S là bị đơn trong vụ án vẫn đang đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án dân sự chị H xin ly hôn với anh S là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Trần Ngọc S về Tòa án để viết bản tự khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do và Tòa án cũng đã Ủy thác cho Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng là Tòa án nơi anh S công tác để tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ đối với anh S, nhưng anh S cũng không đến Tòa án quận Lê Chân để làm việc lần nào. Tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh S lần thứ hai nhưng anh S vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt của anh S

[3]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Lương Thị H và anh Trần Ngọc S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 01-10-2008 và đã được Uỷ ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, hôn nhân của chị H và anh S đã thỏa mãn các điều kiện về kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Nên, được pháp luật bảo vệ.

[5]. Về tình trạng của hôn nhân: Xét thấy sau khi chị H và anh S kết hôn với nhau vợ, chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau được khoảng 05 năm, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do vợ, chồng tính cách không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm nên đã dẫn đến việc vợ, chồng xảy ra xô xát cãi, chửi nhau. Nhưng mâu thuẫn của vợ, chồng trong thời gian này chưa đến mức trầm trọng. Mâu thuẫn giữa chị H và anh S xảy ra trầm trọng nhất vào khoảng đầu năm 2018. Lý do là chị H phát hiện ra anh S có quan hệ tình cảm bất chính với người phụ nữ khác. Khi chị H và gia đình phát hiện ra sự việc, chị H đã khuyên bảo anh S nhiều lần nhưng anh S vẫn không từ bỏ người phụ nữ đó mà hai người vẫn lén lút quan hệ tình cảm với nhau. Vì vậy, cứ mỗi lần anh S đi công tác về là vợ, chồng lại xảy ra xô xát, đánh, cãi, chửi nhau dẫn đến vợ, chồng chung sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc và mâu thuẫn thì ngày một trầm trọng hơn. Như vậy, quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ vợ, chồng giữa chị H và anh S đã trái với những quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy hôn nhân của chị H và anh S đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng và hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng nên mục đích của hôn nhân không đạt được do đó đời sống chung giữa chị H và anh S không thể kéo dài được nữa. Vì vậy, việc chị H xin ly hôn với anh S là có căn cứ pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế hôn nhân của vợ, chồng hiện nay nhưng phía anh S lại không đồng ý ly hôn và có nguyện vọng đoàn tụ. Mặc dù là có nguyện vọng đoàn tụ, nhưng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh S lại không có bất cứ biện pháp cũng như hành động gì để khắc phục những mâu thuẫn của vợ, chồng để mà hàn gắn tình cảm vợ, chồng, điều đó chứng tỏ rằng tình cảm vợ, chồng giữa chị H và anh S nay không còn với nhau nên đời sống chung giữa chị H và anh S cũng không thể kéo dài được nữa. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia

đình. Do chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H nên nguyện vọng đoàn tụ của anh S sẽ không được chấp nhận.

[6]. Về nuôi con chung: Xét thấy chị H và anh S có 02 con chung là cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 11-5-2010 và cháu Trần Ngọc Thanh P, sinh ngày 19-7-2015. Ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, còn để anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và phía anh S cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung của vợ, chồng. Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng trực tiếp nuôi con của chị H và anh S là tự nguyện và chính đáng; mặt khác hiện nay cả chị H và anh S đều có công việc làm ổn định, có thu nhập ổn định nên cả hai bên đều có đủ các điều kiện để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con; ngoài ra thì cháu T cũng có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với anh S và bố, mẹ đẻ anh S cam kết nếu anh S được giao nuôi con thì ông, bà sẽ trực tiếp nuôi dưỡng các cháu thay cho anh S, trong những thời gian anh S đi công tác vắng nhà và ông, bà sẽ tạo mọi điều kiện tốt nhất cho các cháu. Căn cứ vào nguyện vọng của đương sự, của con, cũng như điều kiện nuôi con của các đương sự, Hội đồng xét xử sẽ giao cho chị H và S mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7]. Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy chị H và anh S đều không có yêu cầu, đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về tài sản chung: Chị H xác định vợ, chồng có tài sản chung, nhưng vợ, chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau và chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; mặt khác thì đến nay anh S cũng không có yêu cầu, đề nghị gì về tài sản chung của vợ, chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự nào có yêu cầu thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[9]. Về tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Chị H xác định vợ, chồng không có và chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; mặt khác thì đến nay anh S cũng không có yêu cầu, đề nghị gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự nào có yêu cầu thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[10]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị H phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[11]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lương Thị H và anh Trần Ngọc S.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cháu Trần Ngọc Thanh P, sinh ngày 19-7-2015 cho chị Lương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu P thành niên, có khả năng lao động tự lập được. (Hiện cháu P đang trực tiếp ở cùng với chị H).

- Giao cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 11-5-2010 cho anh Trần Ngọc S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T thành niên, có khả năng lao động tự lập được. (Hiện cháu T đang trực tiếp ở cùng với chị H nên khi anh S có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu T thì buộc chị H phải giao cháu T cho anh S).

Chị Lương Thị H và anh Trần Ngọc S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Lương Thị H và anh Trần Ngọc S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Lương Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BB/2012/09902 ngày 20-02-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Như vậy, chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lương Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Ngọc S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Quân

Nơi nhận:
Các đương sự;
TAND tỉnh Nam Định;
VKSND huyện + Tỉnh;
Chi cục THADS huyện V;
UBND xã L;
Lưu hồ sơ;
Lưu VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Quân